

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 1 /11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

NGƯỜI VIẾT

VŨ VĂN HÀI

Ngày

Ký tên

XEM XÉT

TRẦN ĐÌNH HÒA

Ngày

Ký tên

PHÊ DUYẾT

NGUYỄN VŨ VIỆT

Ngày

Ký tên

THEO DÕI SỬA ĐỔI

TT	Ngày có hiệu lực	Nội dung sửa đổi	Số Y/C
1	01/09/2017	Ban hành lần đầu theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015	-/-
2			
3			
4			
5			

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 2 /11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

1. MỤC ĐÍCH

Mục đích của quy trình này nhằm đưa ra cách thức kiểm soát các hoạt động điều hành và trách nhiệm liên quan đến việc nhận dạng các mối nguy, đánh giá rủi ro. Trên cơ sở đó xác định các biện pháp kiểm soát thích hợp.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

2.1 Đối tượng áp dụng:

Quy trình này áp dụng để nhận dạng các mối nguy, đánh giá rủi ro cho tất cả các hoạt động khoa học công nghệ của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

2.2 Trách nhiệm áp dụng:

Tất cả các bộ phận trực thuộc Viện chịu trách nhiệm áp dụng quy trình này;

3. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Sổ tay chất lượng
- Tiêu chuẩn ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA

- **Bộ phận trực thuộc:** Là các Ban, Trung tâm, đơn vị trực thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.
- **Các bên liên quan:** Là các cá nhân, tổ chức có ảnh hưởng đến các hoạt động của Viện. (Ví dụ: Các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà cung cấp dịch vụ, khách hàng, các tổ chức đăng kiểm, bảo hiểm ...)
- **Đánh giá rủi ro (Risk assesment):** Là quá trình ước lượng rủi ro sinh ra từ một (các) mối nguy, có xem xét đầy đủ đến các biện pháp hiện có và quyết định xem rủi ro đó có thể chấp nhận được hay không.
- **Mối nguy (Hazard):** Là nguồn (source), tình trạng (situation), hành động (action) hoặc những điều kiện đang tồn tại hay tiềm ẩn có thể gây chấn thương, gây bệnh hay tử vong cho con người; gây hư hỏng hoặc làm tê liệt hệ thống, thiết bị, tài sản; hoặc gây hại cho môi trường. Mối nguy hiểm là yếu tố tiềm ẩn dẫn đến một sự cố hoặc tai nạn.
- **Nhận dạng mối nguy (Hazard identification):** Là quá trình nhận biết xem mối nguy tồn tại ở đâu và xác định xem đặc tính chúng thế nào; Ví dụ: Mối nguy làm việc trên cao xảy ra rủi ro té ngã; mối nguy điện sẽ xảy ra rủi ro giật điện.
- **Yêu cầu:** Là các thoả thuận chuẩn mực chấp nhận mà Viện cam kết áp dụng, bao gồm: yêu cầu chế định và pháp luật, yêu cầu của khách hàng và các bên liên quan, yêu cầu của các nhà chế tạo.
- **Rủi ro (Risk):** Là sự kết hợp giữa khả năng có thể xảy ra của mối nguy và mức độ nghiêm trọng của hậu quả gây ra do một mối nguy đã được dự đoán trước.
- **Rủi ro chấp nhận được (Acceptable risk):** Là rủi ro có thể giảm thiểu đến mức mà tổ chức có thể chấp nhận được, trong đó có xem xét đến các yếu tố luật định bắt buộc.

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 3 /11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

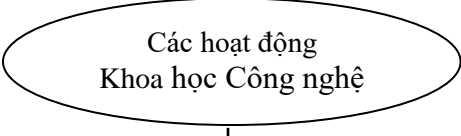
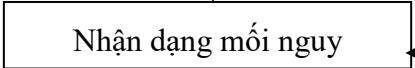
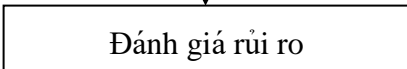
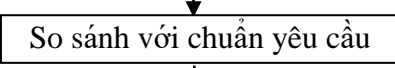
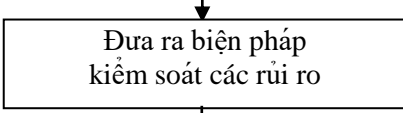
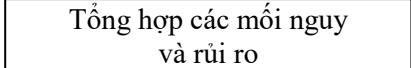
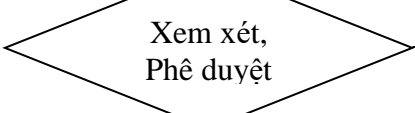
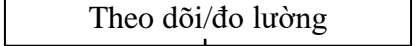
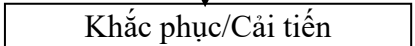
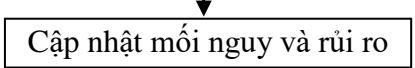
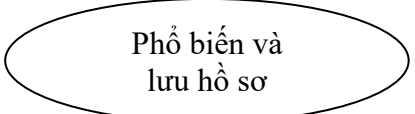
5. NỘI DUNG

5.1 TRÁCH NHIỆM

- 5.1.1 **Giám đốc Viện:** Phải đảm bảo việc nhận dạng môi nguy và đánh giá rủi ro được thực hiện trong toàn Viện, đảm bảo tất cả các cán bộ và người lao động nhận thức và tuân thủ quy trình, cũng như cung cấp các nguồn lực thích hợp để thực hiện và duy trì hoạt động quản lý rủi ro.
- 5.1.2 **Trưởng các bộ phận trực thuộc:** Có trách nhiệm tổ chức nhận dạng môi nguy và đánh giá rủi ro tại bộ phận theo phạm vi công việc; huấn luyện cho người lao động nắm bắt và áp dụng các phương pháp nhận diện môi nguy; tổng hợp các môi nguy và rủi ro tại bộ phận và đề xuất các biện pháp kiểm soát.
- 5.1.3 **Tất cả người lao động:** Có trách nhiệm nhận thức các môi nguy liên quan đến các hoạt động khoa học công nghệ mà mình trực tiếp tham gia hàng ngày và báo cáo về cho trưởng bộ phận hoặc kênh báo cáo an toàn nếu có bất kỳ môi nguy hiểm nào phát sinh trong thực tiễn.

5.2 LƯU ĐỒ

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 4 /11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

Stt	Trách nhiệm	Tiến trình	Biểu mẫu
			
1	Các bộ phận trực thuộc		BM01.QT610-01/VAWR
2	Các bộ phận trực thuộc		BM02.QT610-01/VAWR
3	Các bộ phận trực thuộc		Ma trận đánh giá rủi ro
4	Các bộ phận trực thuộc		BM02.QT610-01/VAWR
5	Các bộ phận trực thuộc		BM03.QT610-01/VAWR
6	Trưởng bộ phận, QMR		- BM02.QT610-01/VAWR - BM03.QT610-01/VAWR
7	Trưởng các bộ phận, QMR		
8	Trưởng các bộ phận		Quy trình Hoạt động khắc phục và cải tiến (QT1000-01/VAWR)
9	Trưởng các bộ phận		BM01, 02, 03 .QT610-01/VAWR
10	Trưởng các bộ phận		

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 5 /11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

5.3 DIỄN GIẢI

Bước 1: Nhận dạng môi nguy

6. Tất cả môi nguy được nhận biết bằng cách liệt kê một cách có hệ thống dựa trên các hoạt động hiện tại và sự tương tác với môi trường, các điều kiện làm việc cũng như cách thức tác động đến an toàn của hoạt động khoa học công nghệ và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động trong đơn vị.
7. Dựa trên các hoạt động khoa học công nghệ, đơn vị sẽ tiến hành nhận dạng các môi nguy liên quan. Việc này được thực hiện theo biểu mẫu: BM01.QT610-01/VAWR
8. Tất cả các hoạt động nhận dạng môi nguy và đánh giá rủi ro phải được thực hiện lần đầu và xem xét định kỳ hàng năm bao gồm việc thực hiện cho các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên.
9. Hoạt động nhận dạng môi nguy và đánh giá rủi ro được thực hiện song song với việc đưa ra các biện pháp kiểm soát. Hoạt động nhận dạng môi nguy và đánh giá rủi ro phải được thực hiện bao gồm cho các khu vực xung quanh nơi làm việc (khu vực lân cận).

Hướng dẫn cơ bản:

* Cơ sở để nhận dạng các môi nguy tại Viện có thể là:

10. Từ các yêu cầu chế định và pháp luật (một hoạt động được quy định phải thực hiện nghiêm ngặt bởi cơ quan chức năng, nghĩa là hoạt động đó thường có những nguy cơ cao và được yêu cầu kiểm soát). Ví dụ: yêu cầu luật định liên quan đến quản lý, bảo dưỡng, đăng kiểm và bảo trì thiết bị nghiêm ngặt...;
11. Từ các yêu cầu của nhà chế tạo thiết bị, nhà sản xuất nguyên vật liệu, ví dụ các dấu hiệu cảnh báo liên quan đến các môi nguy ứng suất, cắt, cuốn kéo, cháy, nổ, áp suất cao...;
12. Từ các kinh nghiệm, các số liệu, kết quả điều tra tai nạn, sự cố trong quá khứ, trong thực tiễn của ngành sản xuất kinh doanh ...;
13. Các yêu cầu, khuyến cáo, phản hồi của các bên liên quan và khách hàng;

* Những môi nguy có thể thuộc các nhóm sau:

Stt	Nhóm/yếu tố	Mối nguy hiểm
1.	Yếu tố con người	Thiếu đào tạo – nhận thức, stress, gây hấn, phá hoại, cơ địa không phù hợp, sai sót cá nhân...
2.	Thiết bị, phương tiện	Không đủ thiết bị, phương tiện, thiết bị không đảm bảo tiêu chuẩn, thiết bị không phù hợp...
3.	Vật tư	Vật tư có bản chất gây hại (nổ, cháy, gây độc, tia xạ...)
4.	Môi trường	Các điều kiện thời tiết, điều kiện ánh sáng, nhiệt độ, ... không đảm bảo.
5.	Hệ thống/Tổ chức	Thiếu quy trình, quy định, thiếu kiểm tra giám sát, thông tin không chuẩn xác, tổ chức công việc không hợp lý, không đáp ứng nguồn lực...

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 6 /11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

Bước 2: Đánh giá rủi ro

Rủi ro có thể được xem như hậu quả của các mối nguy. Ví dụ:

14. Môi trường làm việc trong không gian hạn chế sẽ có rủi ro mắc kẹt hoặc bị ngạt.

Tùy vào bản chất của từng mối nguy mà rủi ro có thể khác nhau. Việc đánh giá rủi ro được thực hiện dựa trên tần suất và hậu quả ($C = F \times S$). Tiêu chí đánh giá được xác định theo bảng như sau:

Frequency (F): Tần suất

Tần suất (*) <i>(Có thể sử dụng tiêu chí của bất kỳ cột tần suất nào)</i>		Ý nghĩa	Giá trị
Thường xuyên <i>(01 lần/03 tháng)</i>	> 0.1 <i>(10 hoạt động có hơn một lần gặp rủi ro/Inăm)</i>	Có khả năng xảy ra nhiều lần	5
Thỉnh thoảng <i>(01 lần/6 tháng)</i>	$0.1 - 0.01$ <i>(10-100 hoạt động có một lần gặp rủi ro/Inăm)</i>	Có khả năng xảy ra một vài lần	4
Ít khi <i>(01 lần/12 tháng)</i>	$0.01 - 0.001$ <i>(100-1000 hoạt động có một lần gặp rủi ro/ Inăm)</i>	Ít có khả năng, song cũng có thể xảy ra	3
Hiếm khi <i>(01 lần /2 năm)</i>	$0.001 - 0.0001$ <i>(1000-10000 hoạt động có một lần gặp rủi ro/ Inăm)</i>	Rất ít khả năng xảy ra	2
Cực kỳ hiếm	< 0.0001 <i>(Ít hơn 10000 hoạt động mới có một lần gặp rủi ro/1 năm)</i>	Hầu như không xảy ra	1

(*) Để xác định tần suất rủi ro trong thời gian đầu khi chưa có đủ cơ sở dữ liệu về an toàn, các đơn vị chỉ có thể áp dụng tiêu chí định tính (thường xuyên, thỉnh thoảng, ít khi, hiếm khi, cực kỳ hiếm). Một khi thư viện an toàn được hình thành, các đơn vị cần áp dụng tiêu chí bán định lượng (> 0.1 , $0.1 - 0.01$, $0.01 - 0.001$, $0.001 - 0.0001$, < 0.0001) để xác định tần suất rủi ro được chính xác hơn.

Severity (S): Mức độ nghiêm trọng

Mức độ nghiêm trọng	Mô tả	Giá trị
Thảm khốc	<ul style="list-style-type: none"> - Gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường ở một phạm vi rộng, tác động đến một quần thể sinh thái/cộng đồng, cần phải xử lý trong thời gian dài với sự phối hợp của nhiều bên); - Vi phạm nghiêm trọng luật pháp và bị đình chỉ hoạt động; - Ảnh hưởng đến an toàn ở cấp độ gây chết nhiều người, ở góc độ sức khỏe đã gây bệnh nghề nghiệp mà phải nghỉ việc, đền bù thiệt hại liên quan cho người lao động; 	A

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 7 /11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

	<ul style="list-style-type: none"> - Tổn hại tài sản đến trên 100 triệu đồng; - Thiết bị trọng yếu bị phá hủy hoàn toàn. 	
Nghiêm trọng	<ul style="list-style-type: none"> - Gây ô nhiễm môi trường ở phạm vi vừa phải, phải xử lý trong thời gian tương đối, cũng cần có sự phối hợp của một số bên; - Đã vi phạm luật pháp và bị xử phạt hành chính. - Ảnh hưởng đến an toàn ở cấp độ gây chết người, ở góc độ sức khỏe có dấu hiệu kiệt sức, quá tải trong công việc và nguy cơ rất cao làm cho người vận hành không thể tập trung thực hiện nhiệm vụ của họ một cách chính xác và xảy ra sai lỗi, người lao động đã bị bệnh nghề nghiệp và phải điều trị bệnh nghề nghiệp theo yêu cầu của bác sĩ. - Thiết bị trọng yếu bị hư hỏng; - Tổn hại tài sản từ 50 triệu đến 100 triệu đồng. 	B
Nặng	<ul style="list-style-type: none"> - Gây ô nhiễm môi trường ở phạm vi cục bộ, không tác động đến một quần thể sinh thái hoặc cộng đồng nhưng phải xử lý trong thời gian dưới một tuần và chỉ cần nguồn lực tại chỗ. - Có dấu hiệu vi phạm luật pháp và/ hoặc có một số ít tiêu chí liên quan đến hoạt động đã cận ngưỡng hoặc có thể vượt ngưỡng luật. - Ảnh hưởng đến an toàn ở cấp độ có người bị thương nặng và/ hoặc phải giám định thương tật từ 40% trở lên, ảnh hưởng đến sức khỏe ở cấp độ có dấu hiệu bị bệnh nghề nghiệp, điều kiện người vận hành có thể giảm khả năng xử lý công việc do điều kiện làm việc bất lợi; - Tổn hại tài sản ở mức từ 5 triệu đến dưới 50 triệu đồng. 	C
Nhẹ	<ul style="list-style-type: none"> - Gây ô nhiễm môi trường trong phạm vi nhỏ, xử lý ngay - Chưa vi phạm luật pháp nhưng có khả năng bị nhắc nhở. - Liên quan đến an toàn chỉ là các sự cố nhỏ, chỉ cần sơ cấp cứu (First Aid) nhưng không để lại di chứng, tác động đến sức khỏe ở cấp độ kiểm soát được. - Tổn hại tài sản ở mức từ 1 - 5 triệu, thiết bị không bị hư hỏng và không ảnh hưởng hoạt động khai thác. 	D
Không đáng kể	<ul style="list-style-type: none"> - Không gây ô nhiễm môi trường và/ hoặc không tác động đáng kể, nhưng vẫn bị hệ thống kiểm soát nội bộ nhắc nhở, nếu không lưu ý thì sẽ có khả năng bị vi phạm. - Không vi phạm luật pháp nhưng vẫn bị hệ thống kiểm soát nội bộ nhắc nhở, nếu không lưu ý thì sẽ có khả năng bị vi phạm. 	E

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 8 /11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

	<ul style="list-style-type: none"> - Không có hậu quả gì hoặc hậu quả nhỏ không gây tác hại đáng kể gì đến an toàn và sức khỏe con người nhưng có thể bị phản nản bởi một số bên. - Tồn thất tài sản khoảng dưới 1 triệu đồng hoặc không tồn thất. 	
--	--	--

*Ma trận đánh giá rủi ro dựa trên tần suất (*F*) và mức độ nghiêm trọng (*S*)

Tần suất (<i>Frequency</i>)	Mức độ nghiêm trọng (<i>Severity</i>)				
	Thâm khốc A	Nghiêm trọng B	Nặng C	Nhẹ D	Không đáng kể E
Thường xuyên 5	5A	5B	5C	5D	5E
Thỉnh thoảng 4	4A	4B	4C	4D	4E
Ít khi 3	3A	3B	3C	3D	3E
Hiếm khi 2	2A	2B	2C	2D	2E
Rất hiếm khi 1	1A	1B	1C	1D	1E

Việc đánh giá rủi ro được thực hiện theo biểu mẫu BM02.QT610-01/VAWR

Bước 3: So sánh với chuẩn yêu cầu

So sánh kết quả đánh giá rủi ro với :

15. Yêu cầu luật định liên quan;
16. Yêu cầu khác (địa phương, khách hàng và các bên liên quan); và
17. Theo bảng xác định mức độ rủi ro dưới đây:

Chỉ số rủi ro	Mức độ chấp nhận/Hành động yêu cầu
5A, 5B, 5C, 4A, 4B, 3A	Không thể chấp nhận trong điều kiện hiện tại (High)
5D, 5E, 4C, 4D, 3B, 3C, 2A, 2B	Yêu cầu đưa ra biện pháp để giảm nhẹ rủi ro (Medium)
1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 2C, 2D, 2E, 3D, 3E, 4E	Chấp nhận được sau khi xem xét lại hoạt động (Low)

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 9 /11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

a. Dựa trên bảng xác định mức độ rủi ro an toàn chấp nhận được, đơn vị sẽ thiết lập các mục tiêu, chỉ tiêu an toàn đồng thời xây dựng chương trình hành động theo tình hình thực tế của Viện.

b. Việc theo dõi tình hình thực hiện mục tiêu, công tác giám sát an toàn sẽ được thực hiện bởi các cán bộ phụ trách chuyên môn.

Bước 4: Xác định các biện pháp kiểm soát rủi ro

Sử dụng nguyên tắc (4T) và (Hierachy control) để xác định các biện pháp kiểm soát rủi ro như sau:

4T	Kiểm soát theo thứ tự ưu tiên (Hierachy control)	Giải thích
Terminate: Chấm dứt rủi ro	Thay đổi/điều chỉnh thiết kế và công nghệ	Thay đổi các điều kiện thiết kế hiện có để loại bỏ hẳn các mối nguy, thay đổi vật tư, vật liệu, thiết bị và hoặc công nghệ, điều kiện làm việc.
Treat: Xử lý rủi ro	Kiểm soát công nghệ	Dùng các biện pháp kiểm soát kỹ thuật, ví dụ: Các cảm ứng điện tử (sensor), hệ thống báo động (alarm), đăng kiểm thiết bị, đo chống sét, cài đặt các giá trị bảo vệ (setpoint), camera giám sát và cảnh báo....
	Các biện pháp kiểm soát hành chính	Huấn luyện đào tạo, cấp giấy phép làm việc, xây dựng các quy định, quy trình, lập các bảng cảnh báo... để kiểm soát các mối nguy.
	Thiết bị an toàn, bảo hộ lao động	Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động, bảo vệ an toàn cho người lao động.
	Kế hoạch ứng phó các sự cố khẩn cấp	Xây dựng sẵn các kế hoạch để ứng phó khi có sự cố xảy ra.
Transfer: Chuyển giao rủi ro	Mua bảo hiểm, thuê các nhà thầu phụ có chuyên môn...	
Tolerate: Chấp nhận rủi ro	Duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro đang áp dụng	

18. Đối với các rủi ro ở mức cao: Bắt buộc phải xây dựng các biện pháp kiểm soát hoặc loại bỏ mối nguy trước khi cho vận hành. Phải xây dựng mục tiêu và có chế độ báo cáo tháng đến Ban Giám đốc.

19. Việc này phải được phụ trách của các bộ phận đánh giá, kiểm tra thường xuyên để đảm bảo an toàn trong các điều kiện vận hành.

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 10 / 11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

20. Đối với các rủi ro ở mức trung bình: Phải xây dựng mục tiêu, đề ra chế độ báo cáo hàng quý trong phạm vi đơn vị.
21. Đối với các rủi ro ở mức thấp: Phải duy trì các biện pháp kiểm soát đang áp dụng.

Bước 5: Xem xét và phê duyệt

22. Trưởng bộ phận có trách nhiệm xem xét các nội dung như: Bảng nhận dạng mối nguy, bảng đánh giá rủi ro, bảng tổng hợp mối nguy và rủi ro, bảng theo dõi và đo lường trước khi trình Đại diện lãnh đạo phê duyệt.
23. Trong trường hợp kết quả xem xét không đạt, quay lại thực hiện các bước trên. Trách nhiệm xem xét và phê duyệt được thực hiện theo bảng sau:

Nội dung	Thực hiện	Xem xét	Rà soát	Phê duyệt
Bảng nhận dạng mối nguy	Người được phân công	Trưởng bộ phận	Các bộ phận liên quan	QMR
Bảng đánh giá rủi ro	Người được phân công	Trưởng bộ phận	Các bộ phận liên quan	QMR
Bảng tổng hợp mối nguy và rủi ro	Người được phân công	Trưởng bộ phận	Các bộ phận liên quan	QMR
Bảng theo dõi và đo lường	Người được phân công	Trưởng bộ phận	Các bộ phận liên quan	QMR

Bước 6: Theo dõi và đo lường

24. Đại diện lãnh đạo của Viện chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện, triển khai các biện pháp kiểm soát rủi ro tại Viện;
25. Trưởng bộ phận trực thuộc chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro tại bộ phận mình và báo cáo Đại diện lãnh đạo an toàn về việc thực hiện;
26. Các mục tiêu và chỉ tiêu an toàn (năm/tháng) liên quan đến an toàn sẽ được thiết lập, chương trình hành động sẽ được hoạch định dựa trên việc đánh giá rủi ro hay chỉ đạo của cấp quản lý (nếu có);
27. Các hành động khắc phục hoặc hành động cải tiến khác sẽ được thực hiện (nếu có) theo Quy trình Hoạt động khắc phục và cải tiến (QT1000-01/VAWR);
28. Việc báo cáo các biện pháp kiểm soát rủi ro, thực hiện mục tiêu, ... sẽ tuân thủ theo quy trình trao đổi thông tin;
29. Công tác giám sát an toàn sẽ được thực hiện bởi các cán bộ phụ trách chuyên môn theo quy trình giám sát và đo lường.
30. Các chỉ số theo dõi và đo lường có thể là số tai nạn sự cố, các kết quả đo kiểm thông số và/ hoặc điều kiện an toàn (ví dụ: tiếng ồn, độ rung, nhiệt độ, đo kiểm phong môi trường phóng xạ, kết quả đăng kiểm...), số vụ vi phạm, Là cách để đánh giá xem

	QUY TRÌNH	Mã số tài liệu :QT610-01/VAWR Lần ban hành : 01 Ngày hiệu lực : 01/9/2017 Trang : 11 /11
	QUẢN LÝ RỦI RO	
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM		ISO 9001:2015

môi nguy có liên quan được kiểm soát thông qua tiêu chí để theo dõi đo lường như thế nào.

Bước 7: Cập nhật môi nguy và rủi ro

Các bộ phận trực thuộc nhận dạng lại môi nguy và đánh giá rủi ro sau đó cập nhật vào bảng tổng hợp các môi nguy và rủi ro khi:

31. Có sự thay đổi trong tổ chức, hệ thống quản lý, công nghệ, quy trình;
32. Sự cố, tai nạn;
33. Định kỳ sau 1 năm hoặc khi có yêu cầu.

Thư ký ISO cập nhật vào bảng tổng hợp môi nguy và rủi ro của Viện vào biểu mẫu BM03.QT610-01/VAWR và báo cáo Ban Giám đốc.

Bước 8: Phổ biến và lưu hồ sơ

34. Tất cả các môi nguy và rủi ro phải được phổ biến đến các bộ phận liên quan, cũng như các biện pháp kiểm soát để tuân thủ và thực hiện.
35. Bảng tổng hợp các môi nguy và rủi ro luôn sẵn có tại từng bộ phận.
36. Các bộ phận trực thuộc lưu giữ các hồ sơ liên quan về việc nhận dạng môi nguy, đánh giá rủi ro và các hồ sơ liên quan đến hoạt động kiểm soát.
37. Ban ISO lưu giữ các hồ sơ liên quan về việc nhận dạng môi nguy, đánh giá rủi ro và kiểm soát rủi ro của đơn vị.

Stt	Hồ sơ/ Mã hồ sơ	Thời gian lưu	Trách nhiệm lưu
1.	Bảng nhận dạng môi nguy (BM01.QT610-01/VAWR)	03 năm và cập nhật vào thư viện an toàn	Các đơn vị, bộ phận
2.	Bảng đánh giá rủi ro và biện pháp kiểm soát (BM02.QT610-01/VAWR).		
3.	Bảng tổng hợp môi nguy và rủi ro (B03.QT610-01/VAWR).		

38. Phụ lục

BM01.QT610-01/VAWR: Bảng nhận dạng môi nguy

BM02.QT610-01/VAWR: Bảng đánh giá rủi ro và biện pháp kiểm soát

BM03.QT610-01/VAWR: Bảng tổng hợp môi nguy và rủi ro